

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 18

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty mẹ và công ty con (sau đây gọi chung là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Phùng Hưng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên
Ông Đỗ Quốc Hoan	Thành viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2010)
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2010)
Ông Vũ Văn Đức	Thành viên
Ông Trần Đức Sơn	Thành viên

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Kim Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Ôn	Phó Tổng Giám đốc

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Ngọc Anh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 31 tháng 3 năm 2011

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ Phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế và các công ty con (gọi chung là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 18. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Phạm Văn Thịnh  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0028/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2011  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Thị Kim Khánh  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0395/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MÃ SỐ B 01-DN**

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>232.260.272.300</b>	<b>138.312.060.127</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5	<b>75.118.405.772</b>	<b>111.974.112.465</b>
1. Tiền	111		20.118.405.772	7.328.717.465
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.000.000.000	104.645.395.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>85.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		85.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>50.541.331.601</b>	<b>19.878.449.220</b>
1. Phải thu khách hàng	131		47.447.452.938	19.558.364.551
2. Trả trước cho người bán	132		1.238.144.880	211.067.200
3. Các khoản phải thu khác	135		1.855.733.783	109.017.469
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	6	<b>19.552.408.721</b>	<b>5.821.507.590</b>
1. Hàng tồn kho	141		19.552.408.721	5.821.507.590
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.048.126.206</b>	<b>637.990.852</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.754.374.206	381.850.852
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		293.752.000	256.140.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>306.672.646.068</b>	<b>104.600.177.142</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>282.293.695.411</b>	<b>101.081.578.970</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	282.129.805.088	100.838.645.370
- Nguyên giá	222		361.852.761.022	132.900.198.254
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.722.955.934)	(32.061.552.884)
2. Tài sản cố định vô hình	227		93.890.323	-
- Nguyên giá	228		136.080.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(42.189.677)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		70.000.000	242.933.600
<b>II. Lợi thế thương mại</b>	<b>260</b>		<b>3.549.490.003</b>	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>21.036.512.730</b>	<b>3.518.598.172</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	8	20.133.016.105	3.518.598.172
2. Tài sản dài hạn khác	278		903.496.625	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>		<b>539.139.970.444</b>	<b>242.912.237.269</b>

---

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MÃU SỐ B 01-DN**

Đơn vị tính: Đồng

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>167.775.615.777</b>	<b>24.405.837.115</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>72.349.982.438</b>	<b>24.285.429.490</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	31.543.314.286	-
2. Phải trả người bán	312		24.800.711.326	8.476.818.313
3. Người mua trả tiền trước	313		-	3.511.010.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	7.714.890.814	7.777.190.656
5. Phải trả người lao động	315		4.838.332.675	2.712.727.936
6. Chi phí phải trả	316		221.410.000	59.273.600
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		2.250.421.914	115.576.418
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		980.901.423	1.632.832.567
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>95.425.633.339</b>	<b>120.407.625</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	10	95.309.885.714	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		115.747.625	120.407.625
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>341.102.512.719</b>	<b>218.506.400.154</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>11</b>	<b>341.102.512.719</b>	<b>218.506.400.154</b>
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000	184.051.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	602.097.046
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.809.491.423	5.173.922.567
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.404.745.712	2.586.961.285
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		27.888.275.584	26.092.419.256
<b>B. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>12</b>	<b>30.261.841.948</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>539.139.970.444</b>	<b>242.912.237.269</b>

Nguyễn Ngọc Anh  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Thế Dân  
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		378.996.650.886	205.312.223.180
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10		378.996.650.886	205.312.223.180
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		(320.237.665.618)	(157.680.196.882)
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	20		58.758.985.268	47.632.026.298
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13	11.375.276.987	6.855.199.281
6. Chi phí tài chính	22	14	(6.646.384.091)	(56.853.256)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(4.765.589.097)</i>	-
7. Chi phí bán hàng	24		(1.165.532.582)	(1.725.690.541)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(15.313.130.456)	(10.872.374.139)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		47.009.215.126	41.832.307.643
10. Thu nhập khác	31		4.198.023.684	329.672.765
11. Chi phí khác	32		(709.792.580)	-
12. Lợi nhuận khác	40	15	3.488.231.104	329.672.765
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50.497.446.230	42.161.980.408
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	(12.923.112.229)	(7.412.996.570)
15. Lợi nhuận sau thuế	60		37.574.334.001	34.748.983.838
<i>Phân bổ cho:</i>				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số			597.136.265	-
- Cổ đông của Tổng Công ty			36.977.197.736	-
<b>16. Lãi trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>17</b>	<b>1.726</b>	<b>1.574</b>

Nguyễn Ngọc Anh  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Thế Dân  
 Kế toán trưởng

*Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị tính: Đồng

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>2010</b>	<b>2009</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>50.497.446.230</b>	<b>42.161.980.407</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	43.103.435.342	16.359.255.291
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.846.235.744	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(8.527.809.148)	(6.712.735.906)
Chi phí lãi vay	06	4.765.589.097	-
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>91.684.897.265</b>	<b>51.808.499.792</b>
Tăng các khoản phải thu	09	(34.266.332.384)	(9.860.505.359)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(13.730.901.131)	1.095.624.836
Tăng các khoản phải trả	11	52.779.442.797	5.114.913.449
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(17.986.941.287)	3.865.060.160
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.765.589.097)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(18.869.339.537)	(3.207.993.190)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.528.608.625)	(3.741.090.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>49.316.628.001</b>	<b>45.074.509.688</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(224.315.551.783)	(5.260.237.700)
2. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(85.000.000.000)	-
3. Tiền thu từ đầu tư ngắn hạn	24	-	4.929.400.000
4. Thu lãi tiền gửi	27	8.527.809.148	6.712.735.906
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(300.787.742.635)</b>	<b>6.381.898.206</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông	31	115.949.000.000	51.000.000
2. Tiền vay dài hạn nhận được	33	158.670.057.143	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(33.582.257.143)	-
4. Cổ tức đã trả	36	(25.792.419.269)	(12.512.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>215.244.380.731</b>	<b>(12.461.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(36.253.609.647)</b>	<b>38.995.407.894</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>111.974.112.465</b>	<b>72.376.607.525</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(602.097.046)	602.097.046
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>75.118.405.772</b>	<b>111.974.112.465</b>

Nguyễn Ngọc Anh  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Thế Dân  
 Kế toán trưởng

*Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

*Công ty mẹ:*

Công ty mẹ là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008857 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính của Công ty là mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển và cung cấp các dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 137 người (2009:125 người).

Công ty con

Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt là một công ty được chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0308515724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 22 tháng 12 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty là vận tải hàng hóa ven biển, vận tải hàng hóa viễn dương, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương, hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa; dịch vụ đại lý tàu biển.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 67 người.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư này yêu cầu doanh nghiệp trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty do Công ty mẹ kiểm soát cho đến kết thúc niên độ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua hoặc bán trong năm được trình bày trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ và các công ty con. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Máy móc, thiết bị	3 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	5 - 12 năm

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, thương hiệu và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn. Giá trị thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 9 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa văn phòng và sửa chữa tàu và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ hai đến năm năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2010 <u>VND</u>	31/12/2009 <u>VND</u>
Tiền mặt	437.799.856	698.595.912
Tiền gửi ngân hàng	19.680.605.916	6.630.121.553
Các khoản tương đương tiền	<u>55.000.000.000</u>	<u>104.645.395.000</u>
	<b><u>75.118.405.772</u></b>	<b><u>111.974.112.465</u></b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn từ ba tháng trở xuống với lãi suất hàng năm được hưởng từ 11% đến 12%.

**6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2010 <u>VND</u>	31/12/2009 <u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	19.497.213.036	5.821.507.590
Công cụ dụng cụ	<u>55.195.685</u>	-
	<b><u>19.552.408.721</u></b>	<b><u>5.821.507.590</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 1/1/2010	167.803.510	441.625.021	132.290.769.723	132.900.198.254
Tăng do hợp nhất	35.400.000	-	94.759.233.638	94.794.633.638
Tăng trong năm	<u>792.387.364</u>	<u>187.817.800</u>	<u>133.177.723.966</u>	<u>134.157.929.130</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>995.590.874</u>	<u>629.442.821</u>	<u>360.227.727.327</u>	<u>361.852.761.022</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 1/1/2010	55.682.723	149.166.071	31.856.704.090	32.061.552.884
Tăng do hợp nhất	5.162.500	-	4.594.994.885	4.600.157.385
Khấu hao trong năm	<u>218.209.839</u>	<u>170.373.239</u>	<u>42.672.662.587</u>	<u>43.061.245.665</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>279.055.062</u>	<u>319.539.310</u>	<u>79.124.361.562</u>	<u>79.722.955.934</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2010	<u>716.535.812</u>	<u>309.903.511</u>	<u>281.103.365.765</u>	<u>282.129.805.088</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>112.120.787</u>	<u>292.458.950</u>	<u>100.434.065.633</u>	<u>100.838.645.370</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 10, Công ty đã thế chấp hai phương tiện vận chuyển với nguyên giá lần lượt là 133.096.847.966 đồng và 94.759.233.638 đồng làm đảm bảo cho khoản vay ngân hàng.

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	3.518.598.172	7.383.658.332
Tăng do hợp nhất	461.686.044	-
Tăng trong năm	25.306.506.168	199.365.889
Phân bổ vào chi phí trong năm	<u>(9.153.774.279)</u>	<u>(4.064.426.049)</u>
Tại ngày 31 tháng 12	<u>20.133.016.105</u>	<u>3.518.598.172</u>

**9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	938.834.003	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.430.229.323	7.412.996.570
Thuế thu nhập cá nhân	1.298.648.864	40.498.936
Các khoản khác	47.178.624	323.695.150
	<u>7.714.890.814</u>	<u>7.777.190.656</u>

**10. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Vay dài hạn bao gồm các khoản vay sau:

Khoản vay dài hạn đồng tài trợ với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí Việt Nam có hạn mức tín dụng là 5.384.512.00 đô la Mỹ. Khoản vay này có thời hạn 7 năm và chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm là 5,5% trong sáu tháng đầu tiên kể

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

từ ngày giải ngân và bằng lãi suất huy động vốn cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân của bốn ngân hàng tham khảo và PVFC cộng 3%. Khoản vay được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã giải ngân 4.550.000 đô la Mỹ.

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (Seabank) có hạn mức là 17,5 tỷ đồng. Gốc nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 6,55 tỷ đồng. Khoản vay này có thời hạn 2 năm và chịu lãi suất lãi tiền vay trong hạn là 0.875% một tháng trong ba tháng đầu và bằng **lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ cộng 2,6%**. Khoản vay sẽ đáo hạn vào ngày 14 tháng 9 năm 2011. Khoản vay này được sử dụng để tài trợ cho dự án đầu tư mua tàu vận tải LPG và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam có hạn mức là 48.162.600.000 đồng. Gốc nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 34.162.600.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay một năm bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 4,5%. Khoản vay sẽ đáo hạn vào ngày 23 tháng 12 năm 2013. Khoản vay này được sử dụng để tài trợ cho dự án đầu tư mua tàu vận tải LPG và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	31.002.400.000	-
Trong năm thứ hai	24.452.400.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	51.519.800.000	-
Sau năm năm	19.878.600.000	-
	<u>126.853.200.000</u>	<u>-</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(31.543.314.286)	-
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>95.309.885.714</u></b>	<b><u>-</u></b>

**11. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2010		31/12/2009	
	<u>Số cổ phần</u>	<u>VNĐ</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VNĐ</u>
Được phép phát hành	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	<u>30.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>	<u>18.405.100</u>	<u>184.051.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2010		31/12/2009	
	<u>VNĐ</u>	<u>%</u>	<u>VNĐ</u>	<u>%</u>
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	218.324.000.000	72,8	70.000.000.000	38,0
Cty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Khí	51.600.000.000	17,2	40.000.000.000	34,8
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	-	-	64.000.000.000	21,7
Cổ đông khác	30.076.000.000	10,0	10.051.000.000	5,4
	<b><u>300.000.000.000</u></b>		<b><u>184.051.000.000</u></b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 31/12/2008	184.000.000.000	-	-	-	16.990.241.837	200.990.241.837
Vốn đã góp	51.000.000	-	-	-	-	51.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	34.748.983.838	34.748.983.838
Chênh lệch tỷ giá	-	602.097.046	-	-	-	602.097.046
Phân phối các quỹ	-	-	5.173.922.567	2.586.961.285	(7.760.883.852)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.373.922.567)	(5.373.922.567)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(12.512.000.000)	(12.512.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2009</b>	<b>184.051.000.000</b>	<b>602.097.046</b>	<b>5.173.922.567</b>	<b>2.586.961.285</b>	<b>26.092.419.256</b>	<b>218.506.400.154</b>
Vốn đã góp	115.949.000.000	-	-	-	-	115.949.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	36.977.197.736	36.977.197.736
Chênh lệch tỷ giá	-	(602.097.046)	-	-	-	(602.097.046)
Phân phối các quỹ	-	-	3.635.568.856	1.817.784.427	(5.453.353.283)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.935.568.856)	(3.935.568.856)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(25.792.419.269)	(25.792.419.269)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2010</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>8.809.491.423</b>	<b>4.404.745.712</b>	<b>27.888.275.584</b>	<b>341.102.512.719</b>

Theo Nghị quyết ngày 2 tháng 1 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2009 đã thống nhất gia hạn thời gian góp vốn cho các cổ đông chưa góp đủ phần vốn đã đăng ký. Các cổ đông đã hoàn tất việc góp đủ vốn tại ngày 24 tháng 12 năm 2010.

Theo Nghị quyết ngày 12 tháng 5 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2009 với số tiền là 25.792.419.269 đồng (2008: 12.512.000.000) Công ty cũng đã trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2010 với số tiền lần lượt là 3.635.568.856 đồng, 1.817.784.427 đồng, 3.935.568.856 đồng theo Điều lệ Công ty.

**12. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số cụ thể như sau:

VND

**Tại ngày 31/12/2010**

Vốn góp của công ty con	50.000.000.000
Trong đó:	
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	25.500.000.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	24.500.000.000
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>49%</b>

Lợi ích của cổ đông thiểu số:

VND

**Tại ngày 31/12/2010**

Vốn của cổ đông thiểu số	24.500.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối đến ngày mua	5.164.705.683
Lợi nhuận chưa phân phối sau ngày mua	597.136.265
	<b>30.261.841.948</b>

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 12 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010:

VND

Lợi nhuận trong kỳ	1.218.645.438
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	597.136.265



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2010	2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	8.527.809.148	6.712.735.906
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.847.467.839	142.463.375
	<u>11.375.276.987</u>	<u>6.855.199.281</u>

**14. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2010	2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	4.765.589.097	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.846.235.744	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	34.559.250	56.853.256
Chi phí khác	6.646.384.091	-
	<u>4.765.589.097</u>	<u>56.853.256</u>

**15. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2010	2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu tiền phạt	1.258.408.194	329.672.765
Hàng tồn kho dư do kiểm kê	2.883.310.980	-
Thu khác	56.304.510	-
Thu nhập khác	<u>4.198.023.684</u>	<u>329.672.765</u>
Chi phí khác	(709.792.580)	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<u>3.488.231.104</u>	<u>329.672.765</u>

**16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2010	2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	50.497.446.230	42.161.980.408
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.195.002.685	198.000.000
Thu nhập chịu thuế	<b>51.692.448.915</b>	<b>42.359.995.102</b>
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<u>12.923.112.229</u>	<u>10.589.995.102</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp miễn giảm	-	(3.176.998.532)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<u>12.923.112.229</u>	<u>7.412.996.570</u>

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***17. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty như sau:

	2010	2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trong năm	36.977.197.736	34.748.983.838
Điều chỉnh: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	<u>(3.935.568.856)</u>	<u>(5.373.922.567)</u>
Lợi nhuận dùng để chia cho cổ đông	33.041.628.880	29.375.061.271
Số cổ phần bình quân gia quyền	<u>19.140.032</u>	<u>18.660.641</u>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>1.726</u></b>	<b><u>1.574</u></b>

**18. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2010	2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>1.492.389.355</u>	<u>908.640.000</u>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	3.489.555.610	908.640.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	6.064.722.317	-
	<u>9.554.277.927</u>	<u>908.640.000</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Công ty phải trả cho việc kho tại 12AB Thanh Đa, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 11 tháng 11 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuê văn phòng tại lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 30 tháng 8 năm 2010 đến ngày 30 tháng 9 năm 2013.

**19. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2010	2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Cho thuê tài</b>		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Khí	<u>135.571.168.988</u>	<u>40.171.319.925</u>
<b>Góp vốn trong năm</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	104.324.000.000	-
Cty TNHH một thành viên Tổng Công ty Khí	11.600.000.000	-
Vốn góp của các cổ đông khác	<u>25.000.000</u>	<u>51.000.000</u>
<b>Chia cổ tức trong năm</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	9.809.614.000	4.760.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	8.968.790.000	4.352.000.000
Cty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Khí	5.605.494.000	2.720.000.000
Cổ đông khác	<u>1,408,521,269</u>	<u>680.000.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2010 <u>VND</u>	2009 <u>VND</u>
Lương	2.515.976.752	1.724.815.475
Tiền thưởng	1.044.831.164	328.800.000
	<b><u>3.560.807.916</u></b>	<b><u>2.053.615.475</u></b>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2010 <u>VND</u>	31/12/2009 <u>VND</u>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Khí	<u>39.833.905.769</u>	<u>16.224.699.911</u>

**20. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2011, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã công bố tăng tỷ giá bình quân liên ngân hàng từ 18.932 đồng/đô la Mỹ lên 20.693 đồng/đô la Mỹ, tương ứng tăng 9,3%. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc thay đổi tỷ giá này không gây ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình hoạt động của Công ty vì giá cước dịch vụ của Công ty cũng được xác định bằng đô la Mỹ.

**21. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm nay bao gồm số liệu năm 2010 của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế và số liệu từ ngày 22 tháng 12 năm 2010 (ngày mua) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần vận tải Nhật Việt. Đây là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo hợp nhất vì vậy số liệu năm nay có thể không so sánh được với số liệu năm trước.

Nguyễn Ngọc Anh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Thế Dân  
Kế toán trưởng